BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Nguyên lý cơ bản 1** *Mã:* **M01**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 7.5 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7.5 | 7.5 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 9 | 8.5 | 9 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 9 | 9 | 9 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Nguyên lý cơ bản 2** *Mã:* **M02**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 4 | 5 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8HL | 6 HL | 7HL |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | KL 5 | 3 6 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 6 | 4 | 5 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 6 | KL 5 | 3 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Tâm lý học** *Mã:* **M03**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 3 | 5 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 4 | 6 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 4 | 6 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Ngoại ngữ** *Mã:* **M04**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8.5 | 8.5 | 9 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 4 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 9 | 8.5 | 9 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8.5 | 4 | 6 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 4 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7.5 | 7.5 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7.5 | 9 | 9 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8.5 | 9 | 9 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8.5 | 9 | 9 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 9 | 8.5 | 9 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7.5 | 9 | 9 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7.5 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7.5 | 7.5 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 5.5 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 5.5 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 5.5 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 6.5 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8.5 | 5 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Dẫn luận ngôn ngữ và ngữ âm học** *Mã:* **M05**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | v 2.5 | 3 5 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 5 | 5 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lịch sử Đảng Tư tưởng HCM** *Mã:* **M06**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 4 | 5 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 4 | 5 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **PP nghiên cứu khoa học** *Mã:* **M07**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | KL 7 | 3 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 4 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | | | HL | 0 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Giáo dục học** *Mã:* **M08**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 9 | 9 | 9 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học dân gian** *Mã:* **M09**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 5 | 3 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Hán nôm 1** *Mã:* **M10**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 6HL | 3 | 5 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 6 | 4 | 5 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6.5 | 3 | 5 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 3 | 5 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7.5 | 3 | 5 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8.5 | 5 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8.5 | 4 | 6 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6.5HL | 6 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6.5 | 6 | 3 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 6 | 3 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8.5 | 6 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6.5 | 4 | 5 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 0 | 6HL | HL 6 | 3 5 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8.5 | 4 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 4 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Hán nôm 2** *Mã:* **M11**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 4 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 3 | 5 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 3 | 5 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 3 | 5 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 4 | 6 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Hán nôm 3 (Văn bản hán văn Việt Nam)** *Mã:* **M12**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 3 | 5 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam trung đại 1** *Mã:* **M13**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Cơ sở văn hoá Việt Nam** *Mã:* **M14**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 6 | KL 6 | 3 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 4 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 5 | 3 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | KL 6 | 3 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 6 | 3 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lý luận văn học 1 (Nhà văn bạn đọc)** *Mã:* **M15**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam trung đại 2** *Mã:* **M16**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Ngữ âm âm vị học** *Mã:* **M17**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | KL 7 | 3 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8.5 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7bs | KL 7 | 3 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8.5 | 6 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt** *Mã:* **M19**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 5 | 6 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 |  | 5 | 4 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8.5 | 5 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6.5 | 5 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam hiện đại 1** *Mã:* **M20**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 5 | 3 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam hiện đại 2** *Mã:* **M21**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 5 | 3 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam hiện đại 3** *Mã:* **M22**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 5 | 3 6 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Châu á** *Mã:* **M23**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Nga** *Mã:* **M24**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | | | |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 5 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Phương Tây** *Mã:* **M25**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 |  | 7 | 5 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 5 | 8 | 7 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lý luận văn học 2 (TP và thể loại VH)** *Mã:* **M26**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 5.5 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lý luận văn học 3 (Tiến trình văn học)** *Mã:* **M27**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | KL 6 | 3 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6.5 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Ngữ pháp học tiếng Việt** *Mã:* **M28**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8.5 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8.5 | 7 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8.5 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Phong cách học tiếng Việt** *Mã:* **M29**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | KL 7 | 3 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | KL 7 | 3 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7.5 | KL 6 | 3 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Hoạt động giao tiếp và TH văn bản TV** *Mã:* **M30**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lý luận và PPDH văn** *Mã:* **M31**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | KL 5 | 3 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 5 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Lý luận và PPDH tiếng Việt** *Mã:* **M32**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 8.5 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 8.5 | 9 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Thực tập sư phạm** *Mã:* **M33**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | | | 9.7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | | | 9.6 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | | | 9.3 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | | | 9.1 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | | | 9.7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | | | 9.9 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | | | 9.5 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | | | 9.5 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | | | 9.2 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | | | 9 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | | | 9.4 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | | | 9.7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | | | 9.4 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | | | 9.4 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | | | 9.7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | | | 9.5 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | | | 9.3 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | | | 9.8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | | | 9.7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | | | 9.6 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | | | 9.7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | | | 9.4 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | | | 9.9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | | | 9.1 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | | | 9.7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | | | 9.1 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | | | 9.9 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | | | 8.5 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | | | 9.9 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | | | 8.8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | | | 9.4 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | | | 9.5 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | | | 7.6 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | | | 9.9 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | | | 9.8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | | | 9.3 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | | | 9.7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | | | 9.2 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | | | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | | | 9.7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | | | 9.3 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | | | 9.4 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | | | 8.7 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | | | 9.6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Chuyên đề Văn học Việt Nam** *Mã:* **M36**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 5 | 5 | 6 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 5 | 6 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 5 | 2 5 | 4 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 5 | 4 | 5 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 3 | 5 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 5 | 5 | 6 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 6 | 6 | 6 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Chuyên đề Phương pháp dạy học Văn** *Mã:* **M37**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 6.5 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 8 | 6.5 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 6.5 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 8 | 6.5 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 6.5 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 9 | 6.5 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 5 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 5.5 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 5 | 6 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 6.5 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 8 | 7.5 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 9 | 7.5 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Chuyên đề văn học nước ngoài** *Mã:* **M38**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 10 | 6 | 8 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 6 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 9 | 5 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 9 | 6 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 9 | 9 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 9 | 9 | 9 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 6 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 9 | 7 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 9 | 8 | 9 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Chuyên đề Tiếng Việt** *Mã:* **M39**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 7.5HL | 7 | 7HL |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 8 | 6 | 7 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7HL | | 3 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 8 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7HL | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7HL | 6.5 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH ĐIỂM THI HỌC PHẦN

NGÀNH SP NGỮ VĂN - LỚP LIÊN THÔNG - KHOÁ 1BC - TẠI ĐHSPHN

*Môn:* **Văn học Việt Nam hiện đại 4** *Mã:* **M40**

| STT | SBD | Họ và tên | GT | Ngày sinh | Điểm CC (0.1) | Điểm KT(0.3) | Thi cuối kỳ (0.6) | Điểm học phần |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4 | Nguyễn Hồng Biên | Nam | 02-08-85 | 10 | 6 | 5 | 6 |
| 2 | 5 | Tạ Thị Huyền Chi | Nữ | 08-08-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 3 | 6 | Hoàng Văn Cường | Nam | 07-07-86 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 4 | 7 | Nguyễn Thị Doan | Nữ | 23-11-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 5 | 8 | Đỗ Việt Duệ | Nữ | 26-04-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 6 | 9 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Nữ | 09-11-86 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 7 | 12 | Vi Việt Đức | Nam | 13-09-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 15 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 12-11-86 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 9 | 17 | Nguyễn Thị Hoa | Nữ | 11-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 10 | 18 | Phạm Thị Hằng | Nữ | 21-07-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 11 | 19 | Vũ Thị Giêng | Nữ | 10-03-87 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 12 | 21 | Phí Thị Ngọc Hà | Nữ | 28-02-80 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 13 | 23 | Nguyễn Thị Hải | Nữ | 05-10-85 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 14 | 26 | Chu Thanh Hằng | Nữ | 22-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 15 | 31 | Lê Thị Thu Hiền | Nữ | 21-10-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 16 | 33 | Nguyễn Thị Minh Hiền | Nữ | 29-12-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 17 | 36 | Vũ Thị Hiền | Nữ | 14-10-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 18 | 41 | Đỗ Thị Thanh Huyền | Nữ | 28-08-79 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 19 | 42 | Nguyễn Thanh Huyền | Nữ | 10-12-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 20 | 44 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7.5 | 8 | 8 |
| 21 | 45 | Đào Ngọc Hường | Nữ | 11-01-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 22 | 46 | Hoàng Thị Thu Hường | Nữ | 12-01-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 23 | 47 | Nguyễn Thanh Hường | Nữ | 21-05-89 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 24 | 49 | Hồ Thị Lan | Nữ | 11-06-78 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 25 | 50 | Bùi Thị Phương Liên | Nữ | 06-03-76 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 26 | 52 | Phạm Thuỳ Liên | Nữ | 08-06-88 | 10 | 7.5 | 7 | 7 |
| 27 | 60 | Trương Khánh Ly | Nữ | 12-06-85 | 10 | 5 | 7 | 7 |
| 28 | 62 | Lê Thị Thanh Minh | Nữ | 22-05-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 29 | 64 | Nguyễn Thị Nga | Nữ | 29-11-88 | 10 | 6 | 6 | 6 |
| 30 | 68 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | Nữ | 28-10-88 | 10 | 6.5 | 6 | 7 |
| 31 | 69 | Trịnh Văn Ngọc | Nam | 06-06-87 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 32 | 71 | Lê Thị Nhung | Nữ | 20-08-86 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 33 | 73 | Bùi Bích Phương | Nữ | 02-11-89 | 10 | 6.5 | 7 | 7 |
| 34 | 77 | Phan Thị Minh Tâm | Nữ | 09-10-87 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 35 | 78 | Đỗ Thị Thanh | Nữ | 15-07-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 36 | 85 | Nguyễn Thị Thoa | Nữ | 26-05-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 37 | 86 | Trần Trung Thông | Nam | 05-06-88 | 10 | 7.5 | 6 | 7 |
| 38 | 88 | Hoàng Lệ Thu | Nữ | 13-12-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 39 | 90 | Trần Thị Hoài Thu | Nữ | 27-01-89 | 10 | 8 | 7 | 8 |
| 40 | 91 | Nguyễn Thị Thuận | Nữ | 27-10-89 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 41 | 95 | Hoàng Thị Thu Thuỷ | Nữ | 10-09-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 42 | 99 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 05-11-88 | 10 | 7 | 6 | 7 |
| 43 | 101 | Nguyễn Thị Tuyến | Nữ | 25-11-88 | 10 | 7 | 8 | 8 |
| 44 | 102 | Đỗ Thị Lệ Tuyết | Nữ | 29-08-89 | 10 | 7 | 6 | 7 |

Danh sách này có 44 sinh viên.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013*

*Người nhập điểm* *Người kiểm tra* HIỆU TRƯỞNG